

**CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, QUAN TRẮC VÀ QUẢN LÝ  
THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI  
VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK**





## I. THÔNG TIN CHUNG:

- Năm 1992.Vườn quốc gia Yok Đôn được thành lập trên cơ sở khu Bảo tồn thiên nhiên Yok Đôn, trực thuộc Bộ lâm nghiệp quản lý với diện tích 58.200ha, thuộc địa bàn xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Yok Đôn được thành lập nhằm bảo vệ hệ sinh thái rừng Khộp đặc trưng nhiều loài động thực, vật quý hiếm như Voi Châu Á, Bò xám, Bò rừng... Trắc, Cẩm Lai, Giáng Hương...

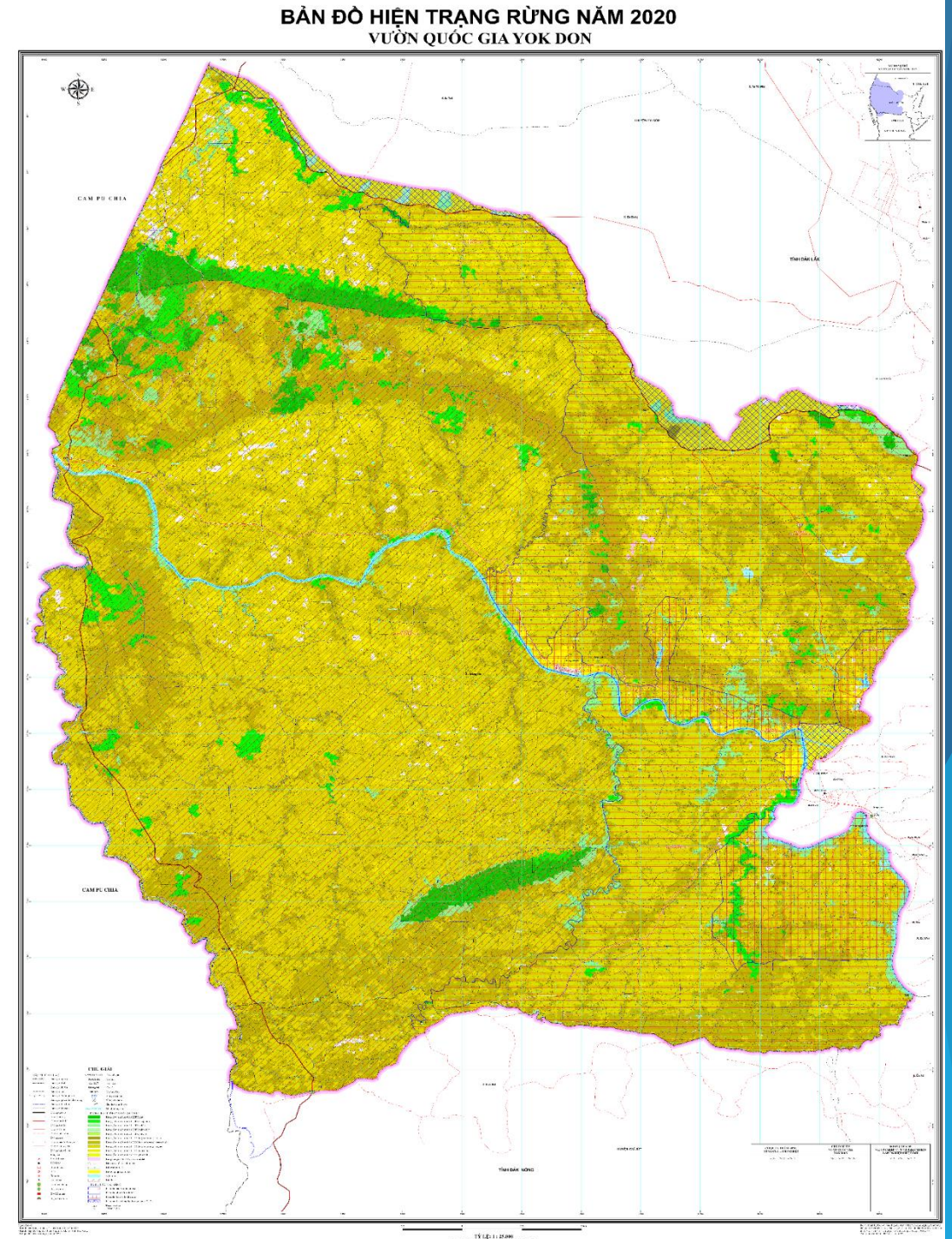
- Đến năm 2002 VQG Yok Đôn được mở rộng theo quyết định số 39/2002/QĐ-TTg ngày 18/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập 2 lâm trường Đăng Phôk và Lâm trường Bản Đôn, nâng diện tích lên 115.545 ha với 3 phân khu chức năng (Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 80.947 ha, phân khu phục hồi sinh thái: 30.426 ha, phân khu hành chính dịch vụ: 4.172 ha)





## 1.Vị trí:

Vườn quốc gia Yok Đôn cách trung tâm tỉnh Đắk Lắk 40km về phía Tây. Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 29. Phía Nam giáp xã Đắk Wil tỉnh Lâm Đồng. Phía Đông giáp đường tỉnh lộ 1. Phía Tây là biên giới Việt Nam – CamPuChia.





## 2. Địa hình:

- Vườn quốc gia Yok Đôn nằm trên bán bình nguyên Ea Soup, địa hình khá bằng phẳng, đồi lượn sóng nhẹ với độ cao trung bình 200 – 300m. So với mặt nước biển. Địa hình nghiêng dần từ phía Đông (400 – 500 m) sang phía Tây (độ cao chỉ còn khoảng 140m), nơi sông Srêpôk chảy vào Campuchia. Trong khu vực Vườn có 3 loại địa hình: núi thấp, hình đồi, bằng phẳng.





### 3. Khí hậu:

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Có 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa từ 1.500-2.000mm/năm.
- Tháng cao nhất: 280mm (tháng 6), tháng thấp nhất 0 mm (tháng 1)





#### 4. Chức năng, nhiệm vụ chính:

**1**

Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng

**2**

Bảo tồn đa dạng sinh học (*thực vật, động vật rừng*).

**3**

Phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng

**4**

Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập

**5**

Cung ứng dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, giáo dục môi trường.

**6**

Cứu hộ sinh vật rừng; phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, nguồn gen sinh vật, di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan

## II. ĐDSH TẠI VQG YOK ĐÔN.

### 1. Các kiểu rừng chính của VQG Yok Đôn

*a. Rừng lá rộng thường xanh mưa mùa hơi ẩm nhiệt đới:* Kiểu rừng này phân bố chủ yếu ở độ cao trên 400m so với mặt nước biển, như núi Yok Đôn và phía Tây dãy Cù mán, loài chiếm ưu thế Kiền kiền (*Hopea siamensis*), với cấu trúc gồm 3 tầng: tầng cây gỗ lớn, tầng cây bụi và tầng thảm tươi.





***b. Rừng kín nửa rụng lá khô nhiệt đới:*** Được phân bố chủ yếu dọc các con sông, suối, với loài chiếm ưu thế là Bằng Lăng ổi (*Lagerstroemia calyculata*). Chúng có mặt ở cả tầng vượt tán và tầng ưu thế sinh thái.

**Mùa khô**



**Mùa mưa**





***c. Rừng thưa cây lá rộng rụng lá khô nhiệt đới:*** Đây là kiểu rừng đặc trưng, độc đáo và bao trùm nhất của Vườn quốc gia Yok Đôn, chiếm trên 80% diện tích của Vườn, trên địa hình tương đối bằng phẳng, các loài cây họ Dầu (Dipterocarpaceae) chiếm ưu thế (rừng khộp).

**Mùa khô**



**Mùa mưa**





***d. Rừng hỗn giao tre nứa:*** kiểu rừng này phân bố dọc theo các suối lớn trong VQG Yok Đôn



***e. Trảng cỏ khô nhiệt đới:*** Kiểu trảng cỏ này phân bố hầu hết trên các sinh cảnh của Vườn, với đại diện ưu thế là họ Lúa ( Poaceae ).



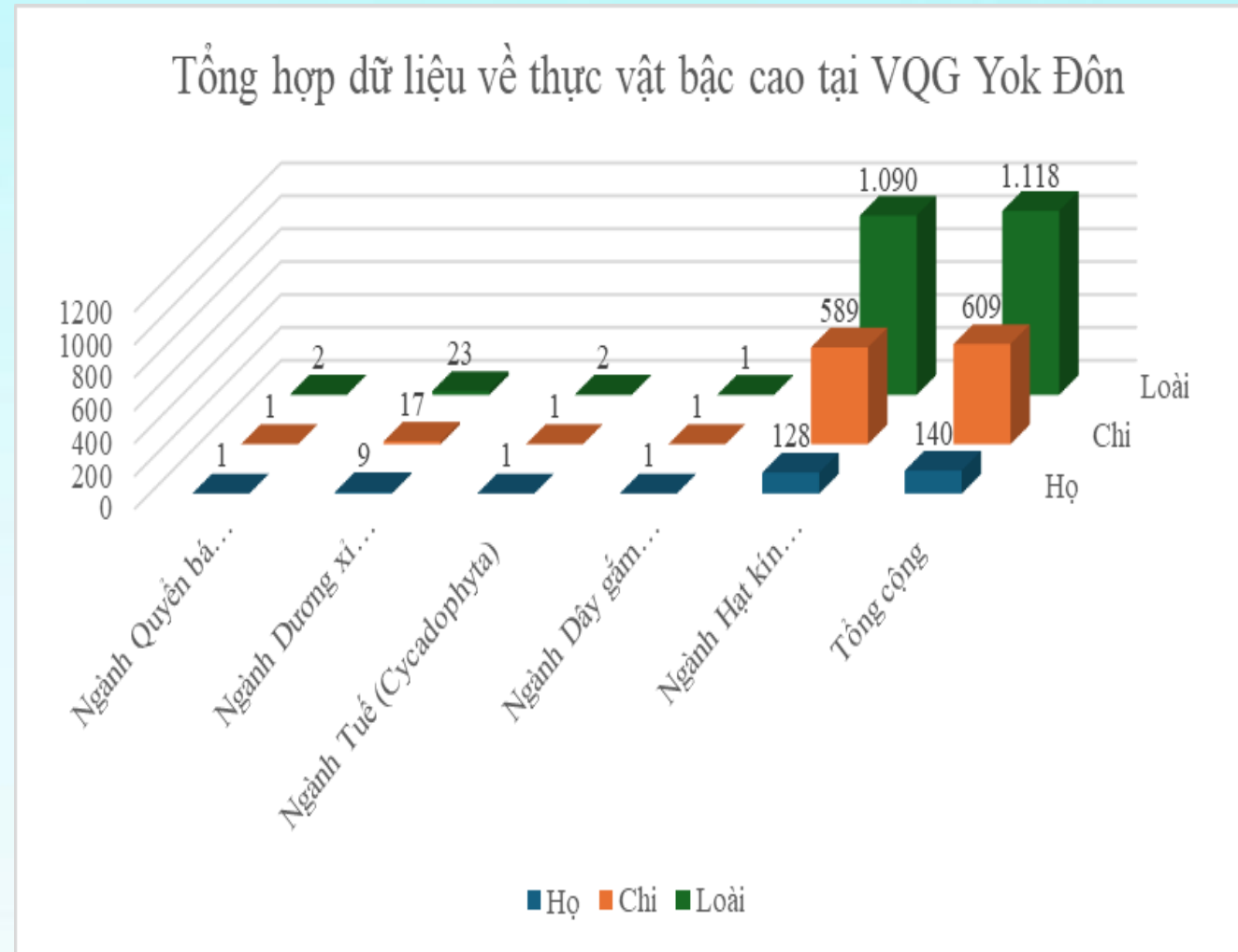


## II. ĐDSH TẠI VQG YOK ĐÔN

### 1. Hệ thực vật:

- Đa dạng thành phần loài thực vật: có 1.118 loài, thuộc 609 chi và 140 họ, 05 ngành thực vật bậc cao có mạch. Những loài có giá trị bảo tồn và kinh tế cần được ưu tiên bảo vệ: Trắc mật, Cẩm lai, Giáng hương quả to, Gỗ đỏ, Gỗ mật, Lát hoa...

- Tình trạng bảo tồn: Có 103 loài thực vật được xếp hạng đánh giá và liệt kê trong SĐVN 2007, IUCN 2023, NĐ 84/2021.

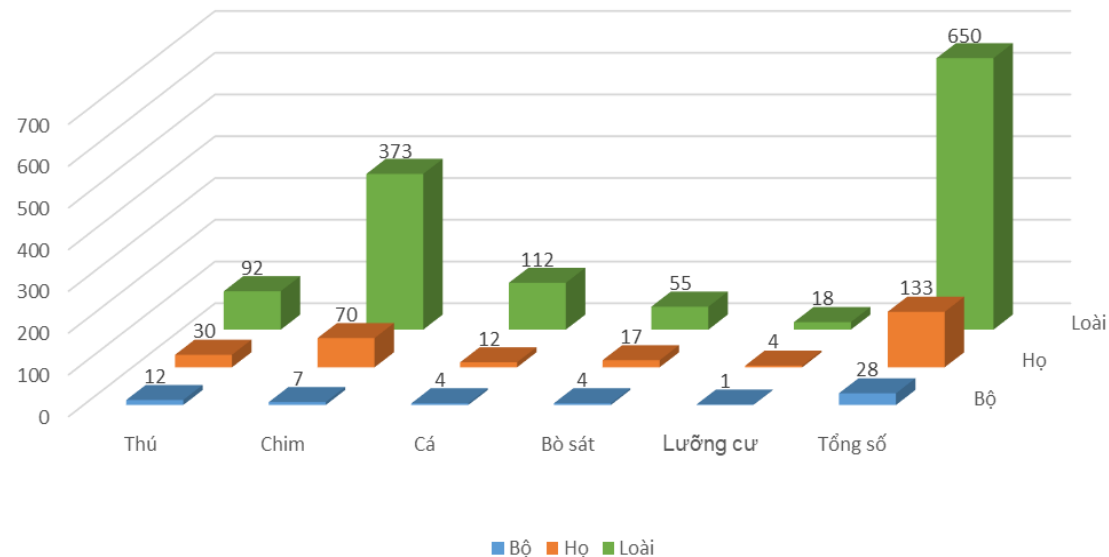




## 2. Hệ động vật:

Đặc điểm của hệ sinh thái rừng Khộp và điều kiện địa hình bằng phẳng đã góp phần hình thành nên khu hệ động vật ở đây cũng mang tính chất điển hình. Kết quả nghiên cứu về khu hệ động vật từ 1992 đến nay tại VQG Yok Đôn có 650 loài động vật có xương sống, trong đó có 92 loài thú, 373 loài chim, 112 loài cá, 55 loài bò sát, 18 loài lưỡng cư.

Tính đa dạng của hệ Động vật rừng VQG Yok Đôn





### III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ VỀ BTTN VÀ ĐDSH:



**1. Điều tra, kiểm kê loài:**  
Phối hợp với các Viện thực hiện các chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học (năm 2017), tổ chức các hoạt động điều tra, kiểm kê loài.





## ▶ 2. Các chương trình quan trắc ĐDSH:

▶ Thường xuyên thực hiện điều tra, giám sát bằng lập các OTC, tuyến, đặt máy bẫy ảnh và sử dụng phần mềm Smart để theo dõi động vật rừng.

▶ Hàng năm Vườn tổ chức thực hiện điều tra, giám sát thực vật rừng để bổ sung danh mục, mẫu vật của các loài động, thực vật.

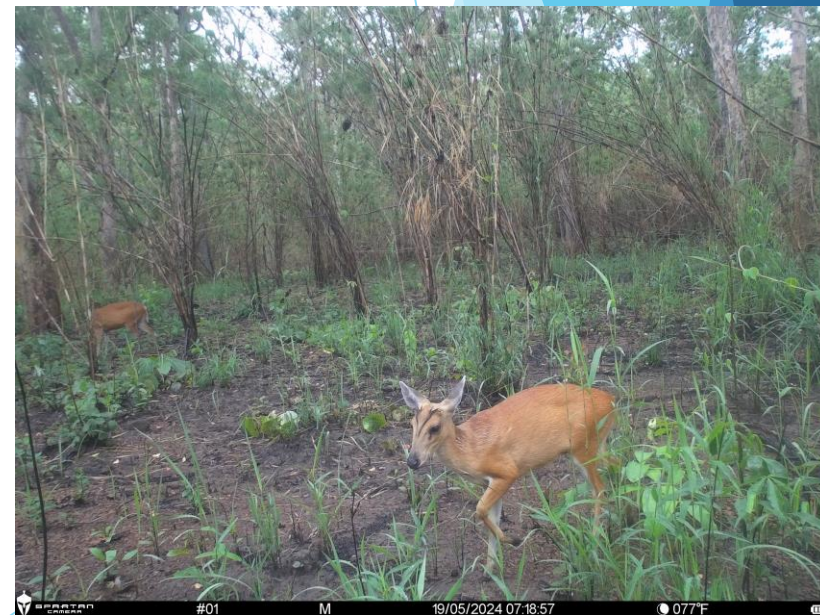
▶ Giám sát, theo dõi diễn biến rừng bằng công nghệ viễn thám, GPS, GIS, Google Earth.





❖ Từ các dữ liệu tổng hợp được từ phần mềm Smart qua đó làm cơ sở xây dựng các tuyến điều tra về động, thực vật, xây dựng hệ thống các điểm đặt máy bẫy ảnh tự động để ghi nhận sự xuất hiện của các loài, bổ sung thêm cơ sở dữ liệu ĐDSH của Vườn.

❖ Tham gia kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu ĐDSH toàn quốc.





### 3. Các hoạt động phối hợp điều tra, giám sát ĐDSH:

Phối hợp với các đơn vị, tổ chức trong nước và ngoài nước thực hiện các chương trình, dự án và các nghiên cứu về ĐDSH như: Phối hợp với WWF- Việt Nam xây dựng;

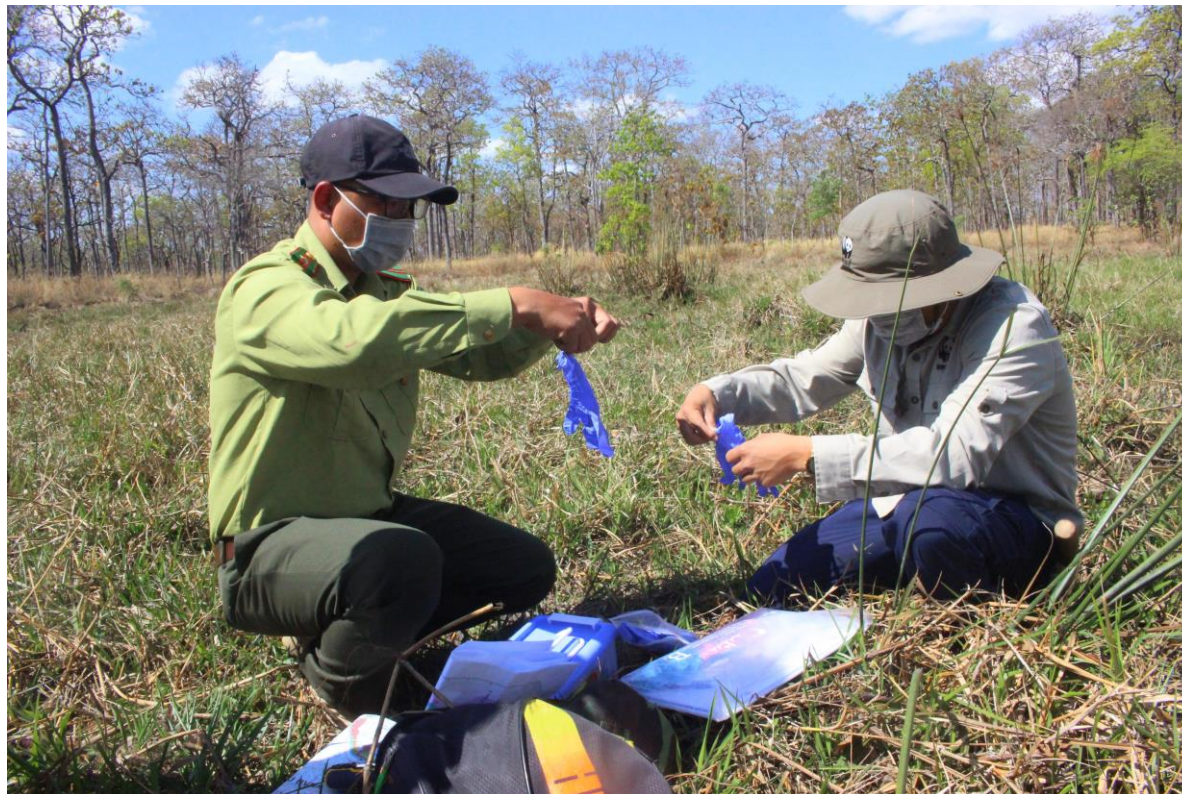
Dự án “Nghiên cứu mật độ quần thể thú mồi của Hổ và tăng cường hợp tác trong công tác quản lý bảo vệ rừng”;

Dự án “Nỗ lực bảo tồn quần thể Voi hoang dã lớn nhất Việt Nam”....





- ▶ Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về Smart và MIKE; giám sát đa dạng sinh học sử dụng máy bay ảnh tự động.
- ▶ Phối hợp WWF-Việt Nam thực hiện chương trình thu mẫu phân voi, phân tích AND. Năm 2019 đã thu được 70 mẫu, với số lượng cá thể ước tính 29.





► Phối hợp thực hiện chương trình giám sát voi hoang dã ở Vườn quốc gia Yok Đôn và các khu vực lân cận.

► Phối hợp xây dựng hệ thống cung cấp thông tin khi có voi hoang dã xuất hiện. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền đến người ở các khu vực nương rẫy của người dân bị ảnh hưởng bởi động vật hoang dã nhằm hướng tới mục tiêu con người và động vật hoang dã chung sống hài hòa.





## IV. HIỆN TRẠNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐDSH

| Nguồn dữ liệu hiện có:                                                                                                                                                                                         | Hình thức quản lý và lưu trữ:                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Các Báo cáo điều tra, kiểm kê loài theo từng năm, giai đoạn. Đơn vị đã xây dựng CSDL về động thực vật rừng như danh mục loài, bộ, họ, loài nguy cấp quý hiếm (CITES, IUCN, sách đỏ Việt Nam, Nghị định 84,...) | Quản lý trên hồ sơ giấy kết hợp số hóa                  |
| Kết quả hình ảnh của điều tra, giám sát từ đặt máy bẫy ảnh                                                                                                                                                     | Lưu trữ bằng hệ thống như máy chủ dữ liệu Smart, GIS... |
| Mẫu vật các loài động, thực vật, côn trùng                                                                                                                                                                     | Lưu trữ tại phòng trưng bày mẫu vật của Vườn            |



## V. MỘT SỐ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỊNH HƯỚNG TIẾP THEO:

### 1. Tồn tại, khó khăn:

#### ❖ Về thực trạng:

- Dữ liệu ĐDSH của Vườn chưa đầy đủ, chưa đề xuất các giải pháp bảo tồn cần thiết và phù hợp với thực tiễn.
- Cơ sở dữ liệu phải thường xuyên được cập nhật liên tục một cách thủ công từ các báo cáo nghiên cứu khoa học, các bài báo xuất bản và những phát hiện mới từ nhân viên VQG, Du khách...
- Chưa được chuẩn hóa CSDL giữa Trung ương và địa phương về dữ liệu ĐDSH.
- Nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan về chức năng, tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho VQG vẫn chưa được đồng đều và đầy đủ
- Các mối đe dọa đến thực trạng đa dạng sinh học tại VQG như: biến đổi khí hậu, khai thác lâm sản trái phép, cháy rừng...vẫn còn diễn ra ảnh hưởng xấu đến đa dạng sinh học của VQG...



## V. MỘT SỐ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỊNH HƯỚNG TIẾP THEO:



- ▶ **Khó khăn:**
- ▶ Hiện tại Vườn đang tồn tại 1 Buôn Đrang Phốc sống trong vùng lõi của Vườn sinh sống hiện tại 145 hộ, 520 nhân khẩu.
- ▶ Người dân canh tác ruộng rẫy trên 500 ha
- ▶ Chăn thả gia súc trong rừng: Hơn năm ngàn con Trâu, Bò...
- ▶ Người dân sống dựa vào rừng, Khai thác LSNG vẫn còn rất nhiều.



## 1. Tồn tại, khó khăn:

### ❖ Về nhân lực, vật lực:

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học còn nhiều hạn chế;
- Ngân sách cho công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học còn nhiều hạn chế; chưa thực hiện đầy đủ cơ chế tài chính bền vững cho công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

### ❖ Về cơ chế, chính sách:

- Thể chế và cơ chế chính sách phục vụ công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học còn chưa được hoàn thiện;
- Chưa có cơ chế phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;



## 2. Kiến nghị, đề xuất

- Hoàn thiện các quy định và cơ chế chính sách phục vụ công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, hoàn thiện hệ thống giám sát đa dạng sinh học, định mức tiền công, tiền lương phục vụ công tác giám sát đa dạng sinh học đến cấp cơ sở;
- Xây dựng cơ chế phối hợp, trách nhiệm...của các bên có liên quan để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Nâng cao nhận thức cho cộng đồng và các bên liên quan về chức năng, tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Tăng cường nguồn ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho các VQG, KBT: xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.



### **3. Kế hoạch và định hướng trong thời gian tới:**

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số hóa ĐDSH của Vườn.
- Tiếp tục thiết lập các ÔTC, tuyến điều tra, hệ thống lưới đặt máy bẫy ảnh và phần mềm Smart và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ viễn thám, AI,... trong giám sát rừng và động thực vật.
- Thiết lập mạng lưới quan trắc cộng đồng tại các xã vùng đệm.
- Tiếp tục hợp tác với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình, dự án, nghiên cứu về ĐDSH.
- Tăng cường công tác giáo dục môi trường, du lịch sinh thái gắn với chia sẻ dữ liệu.





XIN CHÂN THÀNH  
CẢM ƠN!